

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC CỦA HIỆU TRƯỞNG CÁC TRƯỜNG MẦM NON QUẬN KIẾN AN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

○ ThS. PHẠM BÍCH THUYẾT*

Biện pháp quản lý (BPQL) xã hội hóa giáo dục mầm non (XHHGDMN) của hiệu trưởng (HT) là những cách thức cụ thể tác động đến mọi người nhằm mục tiêu QL XHHGDMN của nhà trường, đảm bảo chất lượng chăm sóc giáo dục (CSGD) trẻ. HT phải có các biện pháp mang tính chất đồng bộ, thể hiện rõ các chức năng QL là: lập kế hoạch; tổ chức; chỉ đạo; kiểm tra, đánh giá.

Chúng tôi đã khảo sát BPQL công tác XHHGD của HT các trường MN quận Kiến An, TP Hải Phòng (14 trường), với 522 người, gồm: lãnh đạo quận Kiến An và lãnh đạo các phường trong quận, CBQL, giáo viên MN, CMHS.

1. Thực trạng biện pháp QL XHHGDMN của HT các trường MN

Bảng. Các biện pháp QLXHHGDMN của HT

Biện pháp	Mức độ thực hiện						Mức độ hiệu quả					
	Thường xuyên		Tương đối thường xuyên		Hiếm khi		Tốt		Trung bình		Yếu	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức của các LLXH trong việc thực hiện XHHGDMN	438	83,9	82	15,7	2	0,4	418	80,1	104	19,9		
2. Huy động toàn XH tham gia xây dựng MTGD thuận lợi cho GDMN	423	81,0	98	18,8	1	0,2	402	77,0	119	22,8	1	0,2
3. Huy động tiềm năng của công đồng XH đầu tư các nguồn lực cho GDMN	393	75,3	123	23,6	6	1,1	366	70,1	153	29,3	3	0,6
4. Sử dụng các nguồn lực đầu tư cho GDMN	418	80,1	101	19,3	3	0,6	392	75,1	129	24,7	1	0,2
5. Xây dựng kế hoạch phát triển GDMN, đáp ứng yêu cầu phát triển sự nghiệp GD, KT-XH của địa phương	376	72,0	142	27,2	4	0,8	359	68,8	156	29,9	7	1,3

Bảng trên cho thấy, HT các trường MN quận Kiến An đã thực hiện các biện pháp XHHGD nêu trên, song mức độ thực hiện có khác nhau:

Với BP1, thông qua hệ thống thông tin đại chúng, các trường MN quận Kiến An đã tuyên truyền tương đối tích cực về công tác XHHGDMN. Song việc này làm chưa thường xuyên, hình thức chưa phong phú, do đó các cấp lãnh đạo, các ngành, các tổ chức xã hội CMHS tham gia vào công tác XHHGDMN hiệu quả chưa cao.

Với BP2, việc huy động toàn xã hội tham gia xây dựng môi trường giáo dục thuận lợi cho GDMN đã được duy trì; sự phối kết hợp này giúp

cho các ngành, nhà trường, CMHS hiểu nhau hơn, nắm được thực trạng khó khăn, cùng chia sẻ và tìm biện pháp tháo gỡ. Tuy nhiên, một số trường MN tham mưu với chính quyền chưa kịp thời, vận động sự tham gia ủng hộ, tài trợ cho GDMN còn hạn chế.

Với BP3, các trường MN đã căn cứ vào các chủ trương, chính sách của Đảng, cụ thể hoá và công khai hoá dựa vào trên cơ sở văn bản của ngành để huy động nguồn lực ngoài ngân sách. Song điều này đòi hỏi cán bộ QLGD nói chung và QLGD nói riêng của quận cần thường xuyên giám sát chặt chẽ các nguồn lực hết sức linh hoạt và sáng tạo.

Với BP4, do đặc thù của công tác XHH nên kinh phí huy động được chủ yếu là do dân tự nguyện đóng góp, ủng hộ; vì vậy cần phải sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, tránh thất thoát làm ảnh hưởng đến uy tín của ngành, làm mất lòng tin trong nhân dân.

Với BP5, việc xây dựng kế hoạch tranh thủ sự tham gia ủng hộ của các LLXH

gắn với địa phương, đáp ứng một phần yêu cầu phát triển của ngành nên một số trường đã tạo được niềm tin với CMHS. Tuy nhiên, đa số kế hoạch của các trường là chưa khả thi, HT QL công tác XHHGDMN chưa đạt hiệu quả cao, chưa tìm được đường đi ngắn nhất và chưa huy động được tối đa sức mạnh to lớn của toàn xã hội trong công tác XHHGDMN để nhà trường MN phát triển nhanh và bền vững.

Để phát triển GDMN của quận Kiến An, cần phát huy những kết quả đạt được đồng thời có

* Trường mầm non Hương Dương, quận Kiến An, TP. Hải Phòng

biện pháp giải quyết những khó khăn, hạn chế trong các lĩnh vực QL nói trên.

2. Định hướng phát triển XHH GDMN quận Kiến An, TP Hải Phòng

Trong những năm tới, GDMN phát triển theo hướng cân đối, đa dạng loại hình trường lớp gắn với tổ dân phố, trong đó hệ thống trường công lập giữ vai trò nòng cốt. Hợp nhất nhà trẻ mẫu giáo thành trường MN. Trường lớp MN phải đảm bảo đủ diện tích đáp ứng yêu cầu CSGD trẻ, môi trường giáo dục từng bước hiện đại hoá (theo yêu cầu trường nội thành, thị xã $6m^2$ /trẻ). Xây dựng điểm một trường MN để làm trung tâm thực hành bồi dưỡng tay nghề cho đội ngũ giáo viên và chỉ đạo các chuyên đề của ngành học. Đảm bảo mỗi phường có từ 1-2 trường với quy mô trung bình từ 10-12 lớp, quy mô nhỏ hơn là từ 7-9 lớp. Nâng cấp, cải tạo, mở rộng diện tích các trường MN theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng CSGD trẻ; khắc phục tình trạng quá tải trong các trường điểm, khu trung tâm.

Tiếp tục phát triển loại hình GDMN tư thực trên địa bàn quận (từ 3-4 trường); chuyển đổi các trường MN công lập sang trường trường MN công lập tự hạch toán theo cơ chế cung ứng dịch vụ công ích phi lợi nhuận, tự chủ toàn phần kinh phí chi thường xuyên hoặc trường MN công lập tự chủ một phần kinh phí chi thường xuyên. Xây dựng từ 3-5 trường ở các khu đô thị mới với quy mô từ 9-10 lớp. Chuyển dần một số trường MN công lập sang trường công lập tự hạch toán. Xoá bỏ những nhóm nhỏ manh mún không đủ điều kiện CSGD, hạn chế nhóm lớp lẻ, ghép nhiều độ tuổi. Xây dựng đủ các phòng học, nâng cấp phòng học cấp 4 để đến năm 2015 cơ bản hoàn thành các phòng học kiên cố và bán kiên cố. Trong giai đoạn 2010-2015, xây dựng và cải tạo nâng cấp để có từ 5-7 trường đạt chuẩn quốc gia.

3. Các biện pháp QL công tác XHHGDMN

3.1. Tích cực tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về công tác XHHGDMN, làm cho mọi người phải hiểu đúng bản chất, tầm quan trọng của XHHGDMN và sự cần thiết phải tham gia vào giáo dục, nâng cao tính tự giác, chủ động, tích cực và năng lực hoàn thành công việc này. Vì vậy, phải tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhằm làm chuyển biến nhận thức của các cấp ủy Đảng; chính quyền, đoàn thể, các tổ chức xã hội, nhân dân về vị trí hàng đầu của giáo dục nói chung và GDMN nói riêng, về nghĩa vụ, quyền lợi của

XHHGDMN để quần chúng có đủ thông tin, hiểu biết, chủ động tham gia.

3.2. Xây dựng kế hoạch phát triển GDMN.

Xác định hướng đi vững chắc nhằm phát triển GDMN đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp giáo dục trong thời kì mới; phù hợp với tình hình thực tế và phục vụ đắc lực cho phát triển KT-XH của địa phương; xây dựng được quy mô phát triển tổng thể và từng giai đoạn cụ thể; thể hiện được tầm nhìn chiến lược và yêu cầu thực tiễn trước mắt và lâu dài. Trên cơ sở kế hoạch đem lại lợi ích thiết thực cho xã hội, cho địa phương và mỗi gia đình, các LLXH, CMHS mới sẵn sàng ủng hộ cho XHHGDMN phát triển và công tác QL XHHGDMN mang lại hiệu quả cao.

3.3. Huy động các LLXH tham gia công tác XHHGDMN, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh. Công tác giáo dục liên quan đến mọi người, mọi gia đình và cộng đồng trong xã hội. Để XHHGDMN đạt kết quả đòi hỏi công tác QL cần tập trung vào các biện pháp huy động các LLXH cùng tham gia chăm lo cho GDMN. Vận động các lực lượng đóng góp vật chất và tinh thần là mấu chốt quan trọng trong việc thực hiện và QL công tác XHHGDMN.

3.4. Tham mưu xây dựng và đổi mới cơ chế điều hành nguồn ngân sách và thu hút các tiềm năng xã hội cho phát triển GDMN. QL công tác XHHGDMN chính là việc phải xác định đúng mối quan hệ trong hệ thống QL xây dựng và vận dụng cơ chế tổ chức, điều hành nguồn ngân sách và sự tham gia của xã hội cùng làm giáo dục sao cho có hiệu quả cao nhất. Cơ chế chính sách là dòng chảy chủ đạo cho phát triển GDMN, xuất phát điểm của dòng chảy là nhận thức (sự hiểu biết, ý tưởng, quan niệm, thái độ) của người ban hành chính sách. Nhận thức quyết định hành động (lẽ lối làm việc, quy định, luật pháp, chính sách, mối quan hệ...). Vì vậy, phải xây dựng được dòng chảy chủ đạo và tác động mạnh mẽ tới nó với ý nghĩa khai thông, tạo điều kiện, cơ hội cho mọi hoạt động của công tác XHHGDMN. Cơ chế chính sách càng hoàn thiện, phù hợp thực tiễn, hành lang pháp lí càng rộng thì càng thu hút được nhiều nguồn lực chăm lo cho GDMN.

3.5. Xây dựng trường MN thành đơn vị cung ứng dịch vụ CSGD MN chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thực tiễn giáo dục. GDMN cần phải có trách nhiệm làm cho mọi người thấy rõ vai trò của giáo dục, lợi

ích mà giáo dục mang lại cho cộng đồng trước khi giáo dục đòi hỏi sự đóng góp của cộng đồng. Điều này đòi hỏi sự vận hành lớn, đồng bộ của toàn ngành giáo dục nói chung và GDMN nói riêng. Trường MN cần xây dựng cho mình một thương hiệu riêng, khẳng định cho mình một chất lượng CSGD tốt, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội, xây dựng nhà trường MN trở thành đơn vị cung ứng dịch vụ tốt nhất đáp ứng đơn đặt hàng của xã hội từ đó công tác QL XHHGDMN sẽ có hiệu quả.

Các BPQL công tác XHHGDMN nằm trong một chỉnh thể có mối quan hệ qua lại ảnh hưởng lẫn nhau, hỗ trợ nhau và có tính thống nhất,

đồng bộ. Trong quá trình thực hiện các biện pháp không nên tuyệt đối hoá biện pháp nào và cũng không xem nhẹ biện pháp nào, mà phải phối kết hợp và thực hiện linh hoạt các biện pháp trên để công tác QL XHHGDMN đạt hiệu quả cao. □

Tài liệu tham khảo

1. Luật Giáo dục. NXB Giáo dục, H 2005.
2. Bùi Minh Hiền - Trần Kiểm. Giáo trình quản lý và lãnh đạo nhà trường. NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2009.
3. UBND TP Hải Phòng. Quyết định số 408/QĐ-UBND về phát triển giáo dục mầm non TP. Hải Phòng đến năm 2020, Hải Phòng 2010.

Khám phá khoa học...

(Tiếp theo trang 36)

- Loại CH cảm giác: + Đo, đong, đếm được bao nhiêu?; + Nặng/nhẹ thế nào?; + Cứng/mềm ra sao?; + Cao - thấp; rộng hẹp; dài - ngắn thế nào?; Loại CH so sánh, phân tích, phân loại, giống và khác nhau như thế nào?; Loại CH khuyến khích khả năng phán đoán, suy luận: + Dự đoán điều gì sẽ xảy ra nếu...?; + Đưa ra giải pháp cho các vấn đề...?; + Khuyến khích sự phản ánh về kinh nghiệm và xây dựng các ý tưởng mới: Tại sao trẻ nghĩ như vậy? Có thể giải thích điều đó?.

Ví dụ, nếu chủ đề khám phá là sự «thay đổi sinh học và vòng đời» có thể cho trẻ khám phá: + Hạt giống và cây trồng (đếm các hạt bên trong quả táo, trồng những hạt giống, quan sát cách thức thực vật phát triển trong điều kiện khác nhau...); + Vòng đời của các loài động vật khác nhau (vòng đời của con ếch, con chó, con bướm, con người...); + Đo lường sự tăng trưởng ở thực vật và động vật...; + Sức khỏe và bệnh tật của mỗi loài.

KPKH là nội dung quan trọng trong chương trình giáo dục mầm non. Dạy trẻ mẫu giáo KPKH sẽ giúp trẻ có kỹ năng hiểu thế giới, tăng cường sự thành công của trẻ sau này. □

Tài liệu tham khảo

1. Trần Thị Ngọc Trâm. "Giáo dục khoa học với sự phát triển nhận thức của trẻ mẫu giáo". Tạp chí Giáo dục, số 81 tháng 3/2008 trang 28-31.
2. Piaget. J. Tuyển tập tâm lý học. NXB Giáo dục, H 1996.
3. Các website: http://www.preschooexpress.com/discovery_station.shtml; <http://www.first-school.schooo.ws/theme/science.htm>; <http://Starbrigh-preschool.com/wordpress/curriculum>.

Ảnh hưởng của môi trường...

(Tiếp theo trang 53)

hưởng tích cực đến thái độ và kết quả dạy học. Có thể nói, MTLH THMD có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập của SV cả về kiến thức, kỹ năng lẫn thái độ. □

(1) J. P. Dorman. Classroom environment research: Progress and possibilities. Queensland Journal of Educational Research, 2002.

(2) Vinesh Chandra and Darrell Fisher. The application of the results of learning environments research to an innovative teacher-designed website. Australian Association for Research in Education Conference, Adelaide, July, 2003.

Tài liệu tham khảo

1. J. P. Dorman B. J. Fraser. Psychosocial environment and affective outcomes in technology-rich classrooms: testing a causal model. Soc Psychol Educ (2009) 12:77-99 DOI 10.1007/s11218-008-9069-8.
2. Toansakul Santiboon. Associations between Students' Perceptions in Laboratory Learning Environments and Teacher Interpersonal Behaviours in Physics Classes in Thailand, The 1st International Conference on Educational Reform 2007, 2007 Mahasarakham University, Thailand.
3. D. L. Fisher. Learning environments in mathematics classrooms and their associations with students' attitudes and learning. Australian Association for Research in Education Conference, Adelaide, December 1998.
4. Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam. Trường đại học - tiêu chuẩn thiết kế. TCVN 3981 1985.